

**BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN THỜI HẠN NGẮN
TỈNH AN GIANG**

1. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mực nước trên các sông, kênh, rạch trong phạm vi tỉnh trong 24 giờ qua chịu ảnh hưởng chế độ dòng chảy sông Mekong, thủy triều vùng hạ lưu sông và quy trình vận hành hệ thống công trình thủy lợi nội vùng, diễn biến xu thế mực nước trên sông Tiền, sông Hậu xuống theo triều, khu vực nội đồng mực nước xuống chậm.

- Khu vực thượng nguồn sông Mekong (Kratie): Mực nước lên chậm.
- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: Mực nước xuống chậm. Mực nước cao nhất và thấp nhất ngày 09/3 ở mức xấp xỉ và cao hơn cùng kỳ năm 2025 từ 10-40cm.
- Vùng hạ lưu sông (Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên): mực nước xuống nhanh theo triều, mực nước cao nhất ngày 09/3 cao hơn cùng kỳ năm 2025 từ 05-45cm.
- Khu vực nội đồng Tứ giác Long Xuyên (TGLX): Mực nước trên các sông, kênh, rạch xuống chậm. Biên độ mực nước xuống trung bình từ 03-05cm so với ngày hôm trước.
- Khu vực cửa sông: Mực nước trên sông Cái Lớn tại Xẻo Rô dao động theo xu thế triều biển Tây, đỉnh triều cao nhất ngày 09/3 trên sông Cái Lớn tại Xẻo Rô ở mức 63cm, xuống 10cm so với đỉnh triều ngày hôm trước.

2. Dự báo, cảnh báo

- + Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: Mực nước trên các sông, kênh xuống dần trong những ngày tới.
- + Vùng hạ lưu sông tại Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên: Mực nước trên các sông, kênh, rạch xuống theo xu thế triều biển Đông trong 5 ngày tiếp theo.
- + Khu vực nội đồng TGLX: mực nước trên các kênh, rạch xuống chậm trong 5 ngày tới.
- + Khu vực cửa sông: Đỉnh triều cao nhất ngày trên sông Cái Lớn tại Xẻo Rô lên theo xu thế triều biển Tây trong những ngày tới.
- Khả năng xuất hiện các hiện tượng thủy văn nguy hiểm trong thời hạn dự báo: Mặn trên sông, kênh theo triều xâm nhập vào nội đồng.
- Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội: Độ mặn 4‰ xâm nhập sâu vào nội đồng trên các sông, kênh có khả năng ảnh hưởng đến cây trồng.

3. Ghi chú

Thông tin dự báo được đăng trên <http://kttv.angiang.gov.vn/thuy-van>

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 11h30' ngày 11/3/2026

Tin phát lúc: 11h30'

**Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin**



Phan Minh Đạt

Phụ lục
Phụ lục 1: Bảng mực nước thực đo và dự báo các trạm

Đơn vị: cm

Sông, kênh, rạch		Cấp báo động lũ			Giá trị ngày		So với		So với cùng		So với		Dự báo				
		BĐ I	BĐ II	BĐ III	09/3		08/03		kỳ 2025		TBNN		10/3	11/3	12/3	13/3	14/3
Tiền	Tân Châu	350	400	450	Hmax	132	-18	▼	-1	▼	26	▲	126	122	120	120	124
					Hmin	21	-5	▼	33	▲	15	▲	11	5	2	-1	-4
Ông Chường	Chợ Mới	200	250	300	Hmax	145	-12	▼	-1	▼	40	▲	139	135	131	132	136
					Hmin	11	-8	▼	37	▲	29	▲	-2	-7	-11	-15	-20
Hậu	Khánh An	420	470	520	Hmax	136	1	▲	11	▲	39	▲	131	127	124	122	121
					Hmin	68	-6	▼	42	▲	40	▲	58	50	44	40	38
	Châu Đốc	300	350	400	Hmax	155	-12	▼	2	▲	42	▲	149	147	144	144	148
					Hmin	24	-6	▼	36	▲	23	▲	12	6	3	0	-4
	Long Xuyên	190	220	250	Hmax	166	-12	▼	6	▲	55	▲	160	155	151	152	157
					Hmin	22	-6	▼	44	▲	52	▲	7	-1	-5	-8	-12
Vàm Nao	Vàm Nao	250	290	330	Hmax	151	-12	▼	4	▲	40	▲	145	141	138	134	129
					Hmin	16	-7	▼	39	▲	27	▲	3	-5	-9	-12	-16
Vĩnh Tế	Xuân Tô	300	350	400	Hmax	72	-3	▼	32	▲	37	▲	65	61	58	56	54
					Hmin	45	-5	▼	39	▲	35	▲	38	35	34	32	29
	Vĩnh Gia	200	240	280	Hmax	60	0	◀▶	38	▲	34	▲	57	53	51	48	46
					Hmin	51	-4	▼	35	▲	28	▲	49	46	43	41	38
	Vĩnh Điều	170	200	230	Hmax	66	-1	▼	37	▲	32	▲	63	59	57	55	53
					Hmin	58	-4	▼	34	▲	29	▲	56	53	50	47	44
T3	Vĩnh Phú	150	180	210	Hmax	67	-1	▼	36	▲	36	▲	64	60	58	56	54
					Hmin	59	-4	▼	33	▲	33	▲	56	53	50	48	45
T5	Nông Trường	160	190	220	Hmax	73	-1	▼	34	▲	35	▲	70	66	64	62	60
					Hmin	63	-7	▼	28	▲	31	▲	60	57	54	52	49
Tri Tôn	Tri Tôn	200	240	280	Hmax	74	-1	▼	21	▲	38	▲	68	64	62	60	58
					Hmin	48	-4	▼	33	▲	34	▲	42	39	38	36	33
	Cô Tô	140	180	220	Hmax	84	0	◀▶	23	▲	47	▲	81	77	75	73	71
					Hmin	68	-6	▼	29	▲	42	▲	65	62	60	58	55
	Nam Thái Sơn	90	120	150	Hmax	70	0	◀▶	21	▲	32	▲	67	63	61	59	57
					Hmin	61	-5	▼	22	▲	31	▲	58	55	53	51	48
Tám Ngàn	Lò Gạch	170	210	250	Hmax	53	-2	▼	28	▲	32	▲	50	46	44	42	40
					Hmin	42	-4	▼	27	▲	27	▲	39	36	34	32	29
Ba Thê	Vọng Thê	140	180	220	Hmax	101	2	▲	22	▲	48	▲	98	94	93	91	88
					Hmin	85	-1	▼	29	▲	48	▲	82	79	77	74	70
Núi Chóc Năng Gù	Vĩnh Hanh	190	230	270	Hmax	125	-2	▼	13	▲	50	▲	122	118	117	115	112
					Hmin	84	-3	▼	34	▲	45	▲	83	80	78	75	71

Rạch Giá- Long Xuyên	Núi Sập	140	180	220	Hmax	94	3	▲	16	▲	32	▲	91	87	86	84	81
					Hmin	73	-1	▼	28	▲	32	▲	70	67	65	62	58
	Tân Thành	120	150	180	Hmax	78	1	▲	17	▲	29	▲	75	71	70	68	66
					Hmin	66	0	◀▶	21	▲	32	▲	63	60	59	58	56
Cái Sắn	Tân Hiệp	90	120	150	Hmax	62	2	▲	14	▲	28	▲	60	56	55	53	51
					Hmin	52	2	▲	20	▲	36	▲	50	47	46	45	43
Kiên	Rạch Giá	70	80	90	Hmax	43	-5	▼	16	▲	12	▲	39	37	38	40	39
					Hmin	26	2	▲	10	▲	45	▲	19	15	13	14	16
Cái Lớn	Xẻo Rô	80	90	100	Hmax	63	-10	▼	-2	▼	23	▲	67	68	67	65	62
					Hmin	11	17	▲	23	▲	43	▲	-16	-20	-22	-24	-23

Chú thích: ▲ Cao hơn; ▼ Thấp hơn; ▶◀ Xấp xỉ;

Phụ lục 2: Đường quá trình mực nước thực đo và dự báo các trạm





